

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252 / 2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 29 / 8 / 2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Bảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Hoàng Nghiệp;**
Bà **Nguyễn Thị Kim Uyên**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ý N**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Ấp Quốc Phú, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Phước Hòa, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà N có mặt, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà N trình bày: Bà và ông V kết hôn năm 2011, hôn nhân xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 23/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng. Cuộc sống chung kéo dài đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi và ông V đã chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác khi ra Bình Dương lao động. Hiện bà và ông V đã sống ly thân. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông V.

Con chung tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 05/9/2012 hiện đang sống với cha mẹ ông V. Ly hôn bà N đồng ý giao cháu Ý cho phía ông V tiếp tục nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng.

Tài sản chung, nợ cung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn V không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, không đến tham gia các phiên hòa giải theo thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa bà N bảo lưu ý kiến như đã trình bày tại phiên hòa giải. Ông V vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật về xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi hay bị thay đổi. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, giải quyết cho bà N được ly hôn ông V; về con chung do cháu Ý không phải do ông V trực tiếp nuôi dưỡng nên để đảm bảo cho sự phát triển của con chung đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên giao cháu ý cho bà N nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với việc phân chia tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết khi ông V có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ý N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn V. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Ông Nguyễn Văn V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà N, ông V có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác mặc dù bà và gia đình ông V có khuyên can; căn cứ kết quả xác minh mâu thuẫn ngày 20/7/2017 đối với ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị M là cha mẹ ông V thể hiện ông V, bà N phát sinh mâu thuẫn khoảng 02 năm trước khi cả hai lên Bình Dương làm thuê và hiện hai người không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa bà N cho biết thời gian không còn chung sống thì cả hai người đều không liên lạc hoặc chủ động hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông, bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: bà N khai có 01 con chung tên Nguyễn Như Ý sinh ngày 09 tháng 5 năm 2012, hiện đang sống với cha mẹ ông V và bà đồng ý giao con chung cho gia đình ông V tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N, cháu Ý đã trên 03 tuổi, căn cứ quy định pháp luật thì vợ chồng có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con nhưng do Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông V về việc thỏa thuận như bà N trình bày, do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Ý cho bà N nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một bên hoặc cả hai bên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên do cháu Ý đã giao cho bà trực tiếp nuôi dưỡng nên phần nghĩa vụ cấp dưỡng này không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà N xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu ông V có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện trong 01 vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ý N và ông Nguyễn Văn V được ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Ý N được nuôi dưỡng.

Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở quyền thăm nom con chung của ông V.

Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của một bên hoặc của cả hai bên hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do bà N không yêu cầu.
- Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011053 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã Phước Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo